TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN BA VÌ - TP HÀ NỘI	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **02**/2019/QĐST-DS	*Ba Vì, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: "Yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, TP. HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông: Nguyễn Phúc Thịnh

Thư ký phiên họp: Bà: Nguyễn Thị Quyển

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, TP. Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 94/2019/TLST-VDS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPH-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn NT, xã PS, huyện BV, TP. Hà Nội.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm1974

Địa chỉ: Thôn Nương Tụ - xã Phú Sơn – huyện Ba Vì – TP. Hà Nội.

2. Cháu Nguyễn Võ A, sinh năm 2003

Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Quang H và cháu Nguyễn Võ A:

- Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn NT, xã PS, huyện BV, Hà Nội.

(Tại phiên họp, anh M có mặt; anh H, cháu A vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Nguyễn Quang M có đơn yêu cầu và bản tự khai trình bày như sau: Ông Nguyễn Quang M và anh Nguyễn Quang H là anh em ruột. Trước đây, anh H cũng có vợ là chị Phùng Thị Kim L nhưng đã ly hôn tại bản án số 37 ngày 31/7/2019 của TAND huyện Ba Vì và có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ A. Anh Nguyễn Quang H mắc bệnh tâm thần phân liệt từ năm 1992 đến nay, hiện không có khả năng nhận thức và lao động. Ông M đã đưa anh H đi chữa bệnh và điều trị ở nhiều nơi như Trung tâm tâm thần Thụy An, bệnh viện Tâm thần, Trại Miếu Môn nhưng bệnh không tiến triển. Anh H đã mất hết năng lực hành vi dân sự, không tự chăm lo, phục vụ được nhu cầu, sinh hoạt của bản thân, việc vệ sinh cá nhân do ông M và gia đình chăm sóc, phục vụ. Anh H thường đi lang thang nay đây mai đó và đang được hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước. Anh H đã được Hội đồng giám định y khoa thành phố Hà Nội kết luận "Tâm thần phân liệt có sa sút trí tuệ không còn khả năng lao động, không có khả năng tự phục vụ bản thân", hiện nay anh H vẫn phải uống thuốc điều trị bệnh tâm thần theo chỉ dẫn của bác sỹ hàng tháng, hàng ngày nhưng bệnh tình không thuyên giảm, ngày càng nặng hơn. Vì vậy, ông M làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tuyên bố anh Nguyễn Quang H mất năng lực hành vi dân sự.

Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về đường lối giải quyết vụ án: Về trình tự thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn, thẩm quyền, thụ lý đơn, ra thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo trình tự tố tụng quy định. Về trình tự thủ tục tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng điều 370, 371,372, 377, điều 378, điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Quang M. Tuyên bố anh Nguyễn Quang H - sinh năm 1974, Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NT, xã PS, huyện BV, TP. Hà Hội mất năng lực hành vi dân sự. Về lệ phí: Ông Nguyễn Quang M phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì – TP. Hà Nội nhận định: Anh Nguyễn Quang H có đăng ký kết hôn với chị Phùng Thị Kim L ngày 27/02/2002 tại UBND xã Tòng Bạt nhưng đã ly hôn tại Bản án số 37/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, lý do ly hôn là vì từ năm 2004 anh Nguyễn Quang H có biểu hiện của bệnh thần kinh, sau khi gia đình đưa anh H đi khám tại Bệnh viện tâm thần Châu Quỳ và Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì thì đã kết luận bị bệnh thần kinh phân liệt, mức độ nặng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cùng bệnh án điều trị hàng ngày tại địa phương, Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã Phú Sơn đã thể hiện anh Nguyễn Quang H bị khuyết tật dạng Tâm thần. Anh Nguyễn Quang H bị bệnh tâm thần phân liệt từ năm 2004 đến nay. Anh Nguyễn Quang H đã mất hoàn toàn năng lực hành vi dân sự, mọi sinh hoạt cá nhân đều do người khác chăm sóc, phục vụ.

Tại Biên bản giám định khả năng lao động số 46/GĐYK-SK ngày 29/4/2009 của Hội đồng giám định y khoa thành phố Hà Nội đã kết luận anh Nguyễn Quang H "Tâm thần phân liệt có sa sút trí tuệ không còn khả năng lao động, không có khả năng tự phục vụ bản thân". Tại Biên bản giám định khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa thành phố Hà Nội số 134/GĐYK ngày 28/11/2019 đã kết luận anh Nguyễn Quang H "Tâm thần phân liệt mất trí nhớ", "Ông Nguyễn Quang H được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh, tật là 85% (Tám năm phần trăm) vĩnh viễn theo Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh, tật ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/09/2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội". Vì vậy căn cứ vào điều 377, 378 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Quang M về việc "Yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với anh Nguyễn Quang H". Căn cứ vào điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội ông Nguyễn Quang M phải chịu 300.000 đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: vào điều 370, 371,372, 377, điều 378, điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Quang M về việc *"Yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với anh Nguyễn Quang H"*.

Tuyên bố anh Nguyễn Quang H - sinh năm 1974, Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn NT, xã PS, huyện BV, TP. Hà Nội mất năng lực hành vi dân sự.

Ông Nguyễn Quang M là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Quang H.

Lệ phí giải quyết việc dân sự ông Nguyễn Quang M phải nộp 300.000 đồng. Ông M đã nộp tạm ứng lệ phí dân sự tại biên lai thu tiền số 0009767 ngày 12/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay chuyển thành lệ phí ông M phải nộp.

Người yêu cầu, người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
-TAND TP. Hà Nội;
-VKSND huyện Ba Vì;
- Thi hành án dân sự huyện Ba Vì;
- Người yêu cầu, người đại diện
- Lưu HS,VP;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Phúc Thịnh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi hợtên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi: